DANH MỤC 53 NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI UBND TỈNH ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 1899/QĐ-UBND ngày 26 /8/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
I	**Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương**			
1	Tiếp nhận báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại trên địa bàn xã trong lĩnh vực kinh doanh rượu quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Điều 13 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
II	**Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại**			
2	Xác nhận hoặc không xác nhận việc thương nhân tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài *(không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định)* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Điều 14 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
3	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
4	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định	**UBND tỉnh** (Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	số 87/2018/NĐ-CP.			
5	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
6	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
7	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất thuốc lá tiêu thụ trong nước quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
8	Đồng ý bằng văn bản đối với thuê, mượn, chuyển nhượng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất còn dư năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 7 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
9	Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 8 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
10	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 9 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
11	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại các điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 33 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 10 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
12	Cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 11 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
13	Tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với những máy móc, thiết bị sản xuất sản phẩm thuốc lá không có nguồn gốc hợp pháp quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 12 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
14	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 13 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
15	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá của Bộ Công Thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Điều 19 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
16	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
17	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép phân phối rượu quy định tại điểm a, điểm d khoản 1	**UBND tỉnh** (Khoản 2 Điều 20 Nghị định số	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.	146/2025/NĐ-CP)		
18	Chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về phát triển và quản lý chợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Điều 21 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
19	Huấn luyện, kiểm tra, cấp, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
20	Cấp, thu hồi CFS đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
21	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 7 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
22	Điều tiết hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
23	Cấp Giấy phép tạm nhập tái xuất theo hình thức khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 9 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
24	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 10 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
25	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 11 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
26	Cấp, thu hồi, đình chỉ tạm thời hiệu lực Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; quản lý sử dụng và hoàn trả số tiền ký quỹ của doanh nghiệp; tổ chức kiểm tra xác nhận điều kiện về kho, bãi của doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh quy định tại Điều 30 và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 12 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
27	Xem xét cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 13 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
28	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
29	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
30	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số	**UBND tỉnh** (Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	15/2018/NĐ-CP.			
31	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp tại Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công thương	
32	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc trách nhiệm, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tại Điều 4 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
33	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
34	Tiếp nhận thông báo của tổ chức, cá nhân kinh doanh về tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
35	Giải quyết thủ tục thông báo chấm dứt bán hàng đa cấp quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
36	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
37	Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại khoản 3	**UBND tỉnh**	Giám đốc Sở	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	Điều 37 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.	(Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Công Thương	
38	Kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
39	Kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 5 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
40	Tiếp nhận thủ tục thông báo website thương mại điện tử bán hàng quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
41	Tiếp nhận thủ tục thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
42	Tiếp nhận thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử được quy định tại Điều 60 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
43	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Công Thương	
III	**Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản**			
44	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác	**UBND tỉnh**	Giám đốc Sở	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	khoáng sản bằng phương pháp hầm lò theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BCT	(Điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BCT)	Công Thương	
IV	**Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**			
45	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; cấp, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT	**UBND tỉnh** (Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	
46	Trách nhiệm của UBND tỉnh tại Điều 19 của Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT, gồm: - Chủ trì thực hiện kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn theo quy định của pháp luật; theo dõi, giám sát việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn theo thông báo của tổ chức, doanh nghiệp để đảm bảo an ninh, an toàn; - Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn quản lý; - Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục X ban	**UBND tỉnh** (Khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT; Báo cáo Bộ Công Thương sau khi tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư số 23/2024/TT-BCT; - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy; - Cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 23/2024/TT-BCT.			
47	Trách nhiệm của UBND tỉnh tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 11; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 17 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT, gồm: - Tiếp nhận báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất, sử dụng tiền chất thuốc nổ và cập nhật dữ liệu báo cáo vào Cơ sở dữ liệu; - Được phép tra cứu dữ liệu, thông tin về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong phạm vi quản lý; - Tiếp nhận báo cáo của Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-	**UBND tỉnh** (Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	BCT trước ngày 18/6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 18/12 đối với báo cáo năm; - Tiếp nhận báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT-BCT trước ngày 18/6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 18/12 đối với báo cáo năm; - Tiếp nhận báo cáo của tổ chức sử dụng tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT-BCT trước ngày 18/6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 18/12 đối với báo cáo năm; - Tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 17 Thông tư số 24/2025/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 và khoản 11 Thông tư số 38/2025/TT-BCT.			
48	Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong lĩnh vực dầu khí quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BCT, gồm: - Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn trừ các công trình có quy mô tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT; - Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm việc thực hiện nội dung các tài liệu về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.	**UBND tỉnh** (Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
49	Nhiệm vụ của UBND tỉnh trong lĩnh vực giám định thương mại quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BCT gồm: - Thực hiện việc đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Công bố Danh sách thương nhân đã đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trước ngày 30/01 hằng năm báo cáo về Bộ Công Thương danh sách thương nhân đã đăng ký dấu nghiệp vụ.	**UBND tỉnh** (Khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	
50	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2025/TT-BCT	**UBND tỉnh** (Khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	
51	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện xác nhận hoặc từ chối Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)	Giám đốc Sở Công Thương	
52	Xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản quy định tại Điều 25 Thông tư số 38/2025/TT-BCT, ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	**UBND tỉnh** (Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 38/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	

STT	Nhiệm vụ/Lĩnh vực	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
V	**Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản**			
53	Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản quy định tại Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT	**UBND tỉnh** (Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT)	Giám đốc Sở Công Thương	